

Số: 12 /2020/NQ-HĐND

Hà Nam, ngày 14 tháng 7 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công trên địa bàn tỉnh Hà Nam ban hành kèm theo Nghị quyết số 07/2018/NQ-HĐND ngày 13/7/2018 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Hà Nam

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM
KHOÁ XVIII, KỲ HỌP THỨ MƯỜI SÁU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;
Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Xét Tờ trình số 2040/TTr-UBND ngày 09 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công trên địa bàn tỉnh Hà Nam ban hành kèm theo Nghị quyết số 07/2018/NQ-HĐND ngày 13/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Nam; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận, thống nhất của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công trên địa bàn tỉnh Hà Nam ban hành kèm theo Nghị quyết số 07/2018/NQ-HĐND ngày 13/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Nam.

1. Khoản 2 Điều 4 Chương I được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Thủ trưởng các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội thuộc tỉnh quản lý; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi là Chủ tịch UBND cấp huyện), Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện quản lý; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là Chủ tịch UBND cấp xã) chịu trách nhiệm tổ chức quản lý, sử

dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý theo phân cấp của Hội đồng nhân dân tỉnh tại Quy định này và các quy định của pháp luật khác có liên quan.”

2. Điều 5 Mục 1 Chương II được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 5. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước

1. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục quyết định mua sắm tài sản công trong trường hợp phải lập thành dự án đầu tư được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công và pháp luật có liên quan.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mua sắm tài sản công theo dự toán chi ngân sách hàng năm đối với:

- a) Trụ sở làm việc;
- b) Xe ô tô, xe máy chuyên dùng, ca nô, tàu, thuyền, phà;
- c) Tài sản công khác có giá trị từ 01 tỷ đồng trở lên trên 01 đơn vị tài sản hoặc 05 tỷ đồng trở lên trên 01 gói thầu mua sắm (đối với gói thầu gồm nhiều tài sản) theo đề nghị của Sở Tài chính.

3. Đối với tài sản mua sắm là phương tiện vận tải; máy móc, trang thiết bị làm việc và các loại tài sản khác (trừ quy định tại khoản 1 và điểm a, b khoản 2 Điều này) thực hiện như sau:

a) Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh và tương đương quyết định mua sắm tài sản công thuộc phạm vi quản lý của cơ quan mình có giá trị dưới 01 tỷ đồng trên 01 đơn vị tài sản hoặc dưới 05 tỷ đồng trên 01 gói thầu mua sắm (đối với gói thầu gồm nhiều tài sản có giá trị dưới 01 tỷ đồng) từ nguồn kinh phí trong dự toán chi ngân sách hàng năm. Trường hợp các sở, ban, ngành và tương đương có các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc thì thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều này.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định mua sắm tài sản công có giá trị từ 500 triệu đồng đến dưới 01 tỷ đồng trên 01 đơn vị tài sản hoặc từ 01 tỷ đồng đến dưới 05 tỷ đồng trên 01 gói thầu mua sắm (đối với gói thầu gồm nhiều tài sản có giá trị dưới 01 tỷ đồng) của cơ quan, tổ chức và đơn vị trực thuộc (bao gồm cả cấp xã) từ nguồn kinh phí trong dự toán chi ngân sách hàng năm theo đề nghị của Phòng Tài chính - Kế hoạch.

c) Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc các sở, ban, ngành cấp tỉnh, cấp huyện (có tư cách pháp nhân, con dấu và tài khoản riêng), Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định mua sắm tài sản công có giá trị dưới 500 triệu đồng trên 01 đơn vị tài sản hoặc dưới 01 tỷ đồng trên 01 gói thầu mua sắm (đối với gói thầu gồm nhiều tài sản có giá trị dưới 500 triệu đồng) từ nguồn kinh phí trong dự toán chi ngân sách hàng năm.”

3. Điều 10 Mục 1 Chương II được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 10. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý tài sản công đối với các tài sản:

a) Nhà, công trình xây dựng tại các cơ quan nhà nước thuộc cấp huyện, cấp xã quản lý có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 10 tỷ đồng trở lên/01 đơn vị tài sản;

b) Nhà, công trình xây dựng tại các sở, ban, ngành cấp tỉnh và tương đương có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 01 tỷ đồng trở lên/01 đơn vị tài sản;

c) Thanh lý xe ô tô, xe máy chuyên dùng, ca nô, tàu, thuyền, phà tại các cơ quan nhà nước thuộc địa phương quản lý;

d) Thanh lý tài sản là động sản khác tại các cơ quan nhà nước thuộc địa phương quản lý có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 01 tỷ đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định thanh lý tài sản công tại các cơ quan nhà nước thuộc địa phương quản lý đối với các tài sản là động sản (trừ quy định tại điểm c khoản 1 Điều này) có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng đến dưới 01 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản.

3. Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh và tương đương quyết định thanh lý tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý đối với các tài sản là:

a) Nhà, công trình xây dựng có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 01 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản;

b) Thanh lý tài sản là động sản (trừ quy định tại điểm c khoản 1 Điều này) có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản. Trường hợp các sở, ban, ngành có các cơ quan, đơn vị, tổ chức trực thuộc thì thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều này.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thanh lý tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện quản lý đối với các tài sản:

a) Nhà và công trình xây dựng có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 10 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản đối với tài sản của cơ quan thuộc huyện quản lý; từ 5 tỷ đồng đến dưới 10 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản đối với tài sản cấp xã quản lý;

b) Thanh lý tài sản là động sản (trừ quy định tại điểm c khoản 1 Điều này) có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thanh lý tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp xã quản lý đối với các tài sản:

a) Nhà và công trình xây dựng có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 05 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản;

b) Thanh lý tài sản là động sản (trừ quy định tại điểm c khoản 1 Điều này) có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị một tài sản.

6. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện quyết định thanh lý tài sản công do cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng đối với tài sản là động sản (trừ quy định tại điểm c khoản 1 Điều này) có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị một tài sản.”

Điều 2. Các nội dung khác thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 07/2018/NQ-HĐND ngày 13/7/2018 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Hà Nam và các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

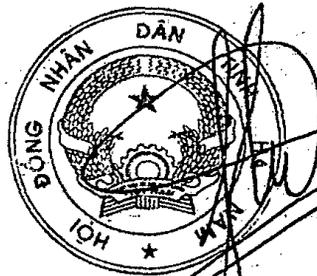
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Nam khoá XVIII, kỳ họp thứ sáu thông qua ngày 14 tháng 7 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 25 tháng 7 năm 2020./.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục KT VBQPPL - BTP;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh
- UBND tỉnh; UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban, các Tổ; ĐB HĐND tỉnh;
- Các Sở: Tài chính; Tư pháp;
- TT HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Phạm Sỹ Lợi